

NGHIÊN CỨU NGOẠI GIAO KINH TẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001 - 2020 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO LÀO

● **VONGSOUTH MEKPHOUMIN**

Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)

Email: b.mekphoumin@gmail.com

TÓM TẮT:

Việt Nam là trường hợp điển hình trong việc triển khai ngoại giao kinh tế gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế quốc tế giai đoạn 2001-2020. Trên cơ sở phân tích thực tiễn qua 3 giai đoạn phát triển, bài viết làm rõ các thành tựu trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cũng như quá trình chuyển đổi từ phụ thuộc viện trợ sang chủ động hội nhập. Tiếp cận dưới góc độ chuyển giao mô hình chính sách, bài viết đánh giá khả năng học hỏi và vận dụng kinh nghiệm ngoại giao kinh tế của Việt Nam vào bối cảnh Lào, qua đó rút ra các bài học về xây dựng chiến lược, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực đàm phán và sử dụng hiệu quả FDI/ODA. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc vận dụng có chọn lọc mô hình ngoại giao kinh tế của Việt Nam là khả thi nếu được điều chỉnh phù hợp với điều kiện của Lào đến năm 2030.

Từ khóa: ngoại giao kinh tế, Việt Nam, Lào, chuyển giao chính sách, hội nhập kinh tế quốc tế, FDI và FTA thế hệ mới.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, ngoại giao kinh tế đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại ở nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển. Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ thương mại và đầu tư, ngoại giao kinh tế ngày nay được hiểu là tổng thể các hoạt động đối ngoại nhằm trực tiếp phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và củng cố vị thế quốc tế trong môi trường toàn cầu nhiều biến động.

Tại Việt Nam, từ đầu thế kỷ XXI, ngoại giao kinh tế đã được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm của

công tác đối ngoại. Giai đoạn 2001-2020 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy và thực tiễn đối ngoại của Việt Nam, khi ngoại giao kinh tế được triển khai một cách chủ động, toàn diện và gắn chặt với chiến lược phát triển đất nước. Việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tham gia sâu rộng vào các cơ chế kinh tế khu vực và ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã cho thấy vai trò ngày càng nổi bật của ngoại giao kinh tế như một công cụ then chốt để huy động nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao vị thế quốc gia.

Trong khi đó, Lào - một quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về thể chế chính trị, trình độ phát triển và bối cảnh hội nhập - đang đứng trước

yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu cho thấy, các công trình hiện nay chủ yếu tập trung phân tích ngoại giao kinh tế của từng quốc gia một cách riêng lẻ, trong khi các nghiên cứu so sánh, đặc biệt là tiếp cận dưới góc độ “học hỏi chính sách” giữa Việt Nam và Lào, vẫn còn hạn chế.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài báo tập trung làm rõ vai trò của ngoại giao kinh tế như một trụ cột đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 2001-2020, đồng thời vận dụng các khung lý thuyết phù hợp để phân tích khả năng chuyển giao và vận dụng kinh nghiệm chính sách ngoại giao kinh tế của Việt Nam vào bối cảnh Lào. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho nghiên cứu ngoại giao kinh tế, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế của Lào trong giai đoạn mới.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Ngoại giao kinh tế và lý thuyết quyền lực mềm (soft power)

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế hiện đại, ngoại giao kinh tế thường được tiếp cận như một bộ phận quan trọng của quyền lực mềm. Theo cách hiểu phổ biến, quyền lực mềm (soft power) là khả năng đạt được mục tiêu thông qua sức hấp dẫn về giá trị, thể chế và chính sách, thay vì dựa trên cưỡng ép hay sức mạnh quân sự. Trong bối cảnh này, ngoại giao kinh tế cho phép quốc gia gia tăng sức hấp dẫn thông qua việc xây dựng hình ảnh một nền kinh tế ổn định, môi trường đầu tư thuận lợi và đối tác thương mại đáng tin cậy.

Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam và Lào, việc phát huy quyền lực mềm thông qua ngoại giao kinh tế không chỉ giúp thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc tế. Do đó, lý thuyết quyền lực mềm cung cấp nền tảng quan trọng để lý giải vì sao ngoại giao kinh tế ngày càng được đặt ở vị trí trung tâm trong chính sách đối ngoại.

2.2. Lý luận chuyển giao mô hình chính sách (Policy Transfer)

Bên cạnh lý thuyết quyền lực mềm, bài viết đặc biệt vận dụng lý luận chuyển giao mô hình chính sách

(policy transfer) như một khung phân tích trọng tâm. Lý luận này tập trung nghiên cứu quá trình mà trong đó các chính sách, thể chế, hoặc kinh nghiệm quản lý từ một quốc gia được học hỏi, điều chỉnh và áp dụng tại quốc gia khác.

Theo lý luận chuyển giao chính sách, việc học hỏi không đồng nghĩa với sao chép máy móc, mà là quá trình lựa chọn, điều chỉnh và thích ứng chính sách với bối cảnh kinh tế - xã hội, thể chế và nguồn lực của quốc gia tiếp nhận. Trong trường hợp Việt Nam và Lào, mối quan hệ đặc biệt, sự tương đồng về thể chế chính trị và kinh nghiệm phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển giao và học hỏi chính sách trong lĩnh vực ngoại giao kinh tế.

Việc vận dụng lý luận chuyển giao chính sách cho phép bài báo phân tích một cách có hệ thống các kinh nghiệm ngoại giao kinh tế của Việt Nam, đồng thời đánh giá khả năng áp dụng những kinh nghiệm đó vào bối cảnh Lào. Đây cũng chính là cơ sở lý luận để làm rõ giá trị tham khảo và tính khả thi của các bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn Việt Nam.

3. Thực tiễn ngoại giao kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001-2020

3.1. Giai đoạn 2001-2006: Đặt nền móng cho ngoại giao kinh tế chủ động

Giai đoạn 2001-2006 là thời kỳ Việt Nam từng bước xác lập ngoại giao kinh tế như một nội dung trọng tâm của chính sách đối ngoại, gắn với mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh nền kinh tế còn ở trình độ phát triển thấp và phụ thuộc đáng kể vào nguồn viện trợ quốc tế, ngoại giao kinh tế chủ yếu tập trung vào việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ nguồn vốn, công nghệ và thị trường từ bên ngoài.

Trong giai đoạn này, Việt Nam tích cực thúc đẩy đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đồng thời mở rộng quan hệ kinh tế với các đối tác lớn và các tổ chức tài chính quốc tế. Ngoại giao kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và mở rộng dòng vốn ODA, phục vụ các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo và cải thiện năng lực quản lý kinh tế.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), mặc dù quy mô còn khiêm tốn so với các giai đoạn sau,

Việt Nam đã từng bước cải thiện môi trường đầu tư thông qua các hoạt động xúc tiến đầu tư đối ngoại, ký kết các hiệp định bảo hộ đầu tư và tránh đánh thuế hai lần. Những nỗ lực này tạo nền tảng quan trọng cho sự bứt phá về FDI trong giai đoạn tiếp theo.

Nhìn chung, ngoại giao kinh tế trong giai đoạn 2001-2006 mang tính “chuẩn bị và tạo đà”, góp phần chuyển đổi tư duy đối ngoại từ thiên về tranh thủ viện trợ sang chủ động hội nhập và thu hút nguồn lực phát triển.

3.2. Giai đoạn 2007-2015: Bứt phá hội nhập và mở rộng ngoại giao kinh tế

Gia nhập WTO năm 2007 là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực tiễn ngoại giao kinh tế của Việt Nam. Từ thời điểm này, ngoại giao kinh tế được triển khai một cách chủ động, toàn diện và gắn chặt với quá trình cải cách thể chế trong nước.

Trong giai đoạn 2007-2015, ngoại giao kinh tế Việt Nam đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong thu hút FDI. Tổng vốn FDI đăng ký và thực hiện tăng nhanh, đưa Việt Nam trở thành một trong những điểm đến đầu tư hấp dẫn tại khu vực Đông Nam Á. Ngoại giao kinh tế, đặc biệt thông qua các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao, các diễn đàn xúc tiến đầu tư và việc mở rộng mạng lưới cơ quan đại diện ở nước ngoài, đã góp phần nâng cao hình ảnh Việt Nam như một môi trường đầu tư ổn định, an toàn và giàu tiềm năng.

Song song với đó, Việt Nam tích cực tham gia và đàm phán nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực, mở rộng đáng kể thị trường xuất khẩu. Ngoại giao kinh tế không chỉ hỗ trợ mở cửa thị trường, mà còn giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thông tin, xử lý các rào cản thương mại và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Đáng chú ý, trong giai đoạn này, Việt Nam chính thức trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, kéo theo sự thay đổi trong cách tiếp cận và sử dụng ODA. Từ chỗ phụ thuộc nhiều vào viện trợ ưu đãi, Việt Nam từng bước chuyển sang tiếp cận các nguồn vốn vay kém ưu đãi hơn, đồng thời nâng cao yêu cầu về hiệu quả sử dụng vốn. Điều này phản ánh rõ nét sự chuyển mình của Việt Nam từ một

quốc gia tiếp nhận viện trợ sang một nền kinh tế ngày càng năng động và chủ động hơn trong quan hệ kinh tế quốc tế.

3.3. Giai đoạn 2016-2020: Ngoại giao kinh tế nâng tầm chiến lược và hội nhập sâu rộng

Giai đoạn 2016-2020 đánh dấu bước phát triển về chất của ngoại giao kinh tế Việt Nam, khi nội dung này được đặt ở vị trí trung tâm trong tổng thể chính sách đối ngoại. Ngoại giao kinh tế không chỉ nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài mà còn hướng tới nâng cao chất lượng tăng trưởng, cải thiện năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam.

Một trong những thành tựu nổi bật nhất của giai đoạn này là việc Việt Nam tham gia và ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu biểu là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Các hiệp định này không chỉ mở ra không gian thị trường rộng lớn mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho cải cách thể chế kinh tế, nâng cao tiêu chuẩn quản trị và tính minh bạch của môi trường kinh doanh.

Về thu hút FDI, Việt Nam tiếp tục duy trì vị thế là điểm đến đầu tư hấp dẫn, với dòng vốn FDI tập trung nhiều hơn vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao. Ngoại giao kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng thu hút FDI có chọn lọc, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế.

Đồng thời, ngoại giao kinh tế góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam thông qua việc tham gia tích cực vào các cơ chế kinh tế khu vực và toàn cầu, đảm nhiệm vai trò chủ động trong ASEAN và các diễn đàn đa phương. Điều này cho thấy sự trưởng thành của ngoại giao kinh tế Việt Nam, từ vai trò hỗ trợ phát triển sang vai trò định hình và dẫn dắt trong một số lĩnh vực hợp tác kinh tế quốc tế.

4. Bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách cho Lào từ thực tiễn ngoại giao kinh tế Việt Nam

4.1. Bài học kinh nghiệm về xây dựng chiến lược ngoại giao kinh tế quốc gia

Bài học kinh nghiệm quan trọng hàng đầu từ Việt Nam là việc xác định rõ ngoại giao kinh tế như một bộ phận cấu thành và trụ cột của chiến lược đối ngoại quốc gia. Trong giai đoạn 2001-2020, Việt

Nam từng bước chuyển từ cách tiếp cận ngoại giao kinh tế mang tính hỗ trợ, phân tán sang xây dựng tư duy chiến lược tổng thể, gắn ngoại giao kinh tế với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dài hạn. Ngoại giao kinh tế Việt Nam được triển khai đồng bộ với chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trong đó các ưu tiên về thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia được xác định rõ ràng. Điều này giúp tránh tình trạng triển khai manh mún, thiếu trọng tâm, đồng thời tạo sự thống nhất trong hành động giữa các chủ thể tham gia. Đối với Lào, bài học này cho thấy sự cần thiết phải xây dựng một chiến lược ngoại giao kinh tế quốc gia thống nhất, gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập khu vực, qua đó định hướng rõ vai trò và mục tiêu của ngoại giao kinh tế trong từng giai đoạn phát triển.

4.2. Bài học về phát triển nguồn nhân lực ngoại giao kinh tế

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của ngoại giao kinh tế. Thực tiễn Việt Nam cho thấy, cùng với việc mở rộng hội nhập, công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm ngoại giao kinh tế ngày càng được chú trọng, đặc biệt là năng lực phân tích kinh tế quốc tế, đàm phán thương mại, luật pháp quốc tế và xúc tiến đầu tư. Việt Nam từng bước hình thành đội ngũ cán bộ ngoại giao kinh tế chuyên sâu, có khả năng phối hợp hiệu quả với các bộ, ngành và địa phương, cũng như đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hội nhập kinh tế toàn cầu. Đây là yếu tố quan trọng giúp Việt Nam tham gia thành công các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và nâng cao hiệu quả thu hút FDI. Đối với Lào, bài học này đặt ra yêu cầu cấp thiết về đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách ngoại giao kinh tế, theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa và gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn hội nhập.

4.3. Bài học về đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại

Một bài học nổi bật khác là vai trò của ngoại giao kinh tế trong đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại quốc tế. Việt Nam không chỉ tham gia nhiều FTA, mà còn chủ động nâng cao chất lượng đàm phán, đặc biệt trong các FTA thế hệ mới như

CPTPP và EVFTA. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao, kinh tế và pháp lý, cũng như sự chuẩn bị kỹ lưỡng về thể chế trong nước. Ngoại giao kinh tế Việt Nam đã góp phần giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tận dụng ưu đãi từ các FTA, đồng thời xử lý các tranh chấp và rào cản thương mại phát sinh. Điều này cho thấy ngoại giao kinh tế không kết thúc ở khâu ký kết, mà còn đóng vai trò quan trọng trong thực thi và khai thác hiệu quả các cam kết quốc tế. Đối với Lào, bài học này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực đàm phán và thực thi các thỏa thuận kinh tế quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh Lào đang ngày càng hội nhập sâu vào khu vực và thế giới.

4.4. Bài học về thu hút và sử dụng hiệu quả FDI và ODA

Thực tiễn Việt Nam cho thấy, ngoại giao kinh tế có vai trò quyết định trong việc chuyển hóa các cơ hội đối ngoại thành nguồn lực phát triển cụ thể. Việt Nam đã thành công trong việc thu hút lượng lớn FDI, đồng thời từng bước chuyển từ phụ thuộc vào viện trợ sang sử dụng ODA có chọn lọc, gắn với mục tiêu phát triển hạ tầng và nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế. Ngoại giao kinh tế Việt Nam không chỉ tập trung vào số lượng vốn, mà ngày càng chú trọng đến chất lượng FDI, định hướng thu hút đầu tư vào các ngành có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường. Đây là bài học quan trọng đối với Lào trong bối cảnh nguồn lực trong nước còn hạn chế.

4.5. Bài học về cơ chế phối hợp Trung ương - địa phương

Ngoại giao kinh tế là lĩnh vực liên ngành, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương. Việt Nam đã từng bước hoàn thiện cơ chế phối hợp này, qua đó nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thương mại và triển khai các cam kết quốc tế ở cấp địa phương. Bài học này cho thấy việc phân công rõ trách nhiệm, tăng cường chia sẻ thông tin và đồng bộ hóa chính sách là điều kiện cần thiết để ngoại giao kinh tế phát huy hiệu quả trên thực tế.

5. Gợi ý chính sách cho Lào đến năm 2030

Từ các bài học trên, có thể đề xuất mục tiêu tổng quát cho ngoại giao kinh tế của Lào đến năm 2030 là xây dựng nền ngoại giao kinh tế “chủ động, hiện đại và hiệu quả”, trong đó ngoại giao kinh tế trở thành

công cụ quan trọng để huy động nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước.

Về giải pháp, trước hết, Lào cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế “một cửa điện tử” trong ngoại giao kinh tế, nhằm tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp tiếp cận thông tin và dịch vụ công.

Bên cạnh đó, việc đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ ngoại giao kinh tế chuyên trách cần được coi là ưu tiên chiến lược, gắn đào tạo với yêu cầu hội nhập và thực tiễn triển khai chính sách. Đồng thời, Lào cần từng bước hoàn thiện khung thể chế, nâng cao năng lực đàm phán và thực thi các cam kết kinh tế quốc tế, qua đó vận dụng hiệu quả kinh nghiệm của Việt Nam phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

6. Kết luận

Nghiên cứu thực tiễn ngoại giao kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2001-2020 cho thấy ngoại giao kinh tế không chỉ đóng vai trò hỗ trợ đối ngoại, mà đã trở thành một trụ cột chiến lược góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, cải cách thể chế và nâng cao vị thế

quốc tế của quốc gia. Những thành tựu trong thu hút FDI, mở rộng thị trường thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và sự chuyển dịch từ phụ thuộc viện trợ sang chủ động hội nhập là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của mô hình ngoại giao kinh tế Việt Nam.

Đối với Lào, việc vận dụng kinh nghiệm của Việt Nam là khả thi và có ý nghĩa thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh Lào đang đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, quá trình này cần được thực hiện theo hướng chuyển giao chính sách có chọn lọc, tránh sao chép máy móc, mà phải gắn với điều kiện cụ thể về trình độ phát triển, năng lực thể chế và nguồn nhân lực của Lào. Việc xác định mục tiêu xây dựng nền ngoại giao kinh tế “chủ động, hiện đại và hiệu quả” đến năm 2030, cùng với các giải pháp như hoàn thiện cơ chế phối hợp “một cửa điện tử” và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách, sẽ tạo nền tảng quan trọng để Lào khai thác hiệu quả các bài học từ Việt Nam. Qua đó, ngoại giao kinh tế có thể trở thành công cụ hữu hiệu giúp Lào huy động nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy phát triển bền vững và từng bước nâng cao vị thế trong khu vực ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tài liệu tiếng Việt:

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2021). Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Vientiane.

Phạm Bình Minh. (2010). Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020. NXB Chính trị Quốc gia.

Vongsouthi Mekphoumin. (2025). Nghiên cứu ngoại giao kinh tế của Việt Nam từ năm 2001 - 2020: Bài học kinh nghiệm cho Lào. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

Dolowitz, D. P., & Marsh, D. (2000). Learning from Abroad: The Role of Policy Transfer in Contemporary Policy-Making. *Governance*, 13(1), 5-23.

International Monetary Fund (IMF). (2020). Vietnam: 2020 Article IV Consultation-Press Release; Staff Report. Washington, DC.

- Nye, J. S. (2004). *Soft Power: The Means to Success in World Politics*. New York: Public Affairs.
- OECD. (2018). *OECD Investment Policy Reviews: Viet Nam 2018*. Paris: OECD Publishing.
- World Bank. (2020). *Vietnam Modern: Resolving the Challenges of Becoming a High-Middle-Income Country*. Washington, DC: World Bank.
- World Bank; International Finance Corporation. (2021). *Creating markets in Vietnam: Bolstering the private sector during COVID-19 and beyond*. World Bank Group.
- World Economic Forum (WEF). (2019). *The Global Competitiveness Report 2019*. Geneva: WEF.

Ngày nhận bài: 6/1/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/1/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/2/2026

VIETNAM'S ECONOMIC DIPLOMACY FROM 2001 TO 2020: EXPERIENCES AND POLICY LESSONS FOR LAOS

● **VONGSOUTH MEKPHOUMIN**

University of Economics Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

Vietnam represents a notable case of integrating economic diplomacy into its socio-economic development strategy while simultaneously enhancing its international standing during the period 2001 - 2020. Drawing on an analysis of practical experiences across three stages of development, this study clarifies Vietnam's key achievements in attracting foreign direct investment, negotiating and implementing new-generation free trade agreements, and transitioning from aid dependence toward proactive international integration. From the perspective of policy transfer, the article evaluates the potential for adapting Vietnam's economic diplomacy experience to the Laos context, with particular attention to strategic planning, human resource development, negotiation capacity building, and the effective utilization of foreign direct investment and official development assistance. The findings indicate that the selective adaptation of Vietnam's economic diplomacy model is feasible for Laos if appropriately adjusted to its national conditions and development objectives toward 2030.

Keywords: economic diplomacy, Vietnam, Laos, policy transfer, international economic integration, FDI and new-generation FTAs.